

Số : 105/CV-RDP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán hiện hành, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016, nay Công ty cổ phần Rạng Đông Holding thông báo như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN RẠNG ĐÔNG HOLDING**
2. Mã chứng khoán: **RDP**
3. Trụ sở chính: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh
4. Điện thoại: (+84 028) 39692272-39696642 Fax: (+84 028) 39692843
5. Loại công bố thông tin: Định kỳ
6. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Bùi Đắc Thiện
7. Nội dung công bố thông tin: **Báo cáo tài chính Công ty Mẹ năm 2023 đã được kiểm toán**
8. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Rạng Đông Holding vào ngày 26/04/2024 tại đường dẫn <http://rangdongholding.com.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đại diện tổ chức
NGƯỜI UQ CBTT

Bùi Đắc Thiện

Nơi nhận:

- Như nơi gửi;
- Lưu.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính Công ty Mẹ năm 2023 đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN RẠNG ĐÔNG HOLDING

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát

Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding (trước đây là: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông đã được đổi lại tên thành Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 03/06/2019), là công ty cổ phần được hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300384357 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 03 năm 2005 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi bổ sung kèm theo.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán hàng nhựa gia dụng, kỹ thuật: màng nhựa, giả da, tôn, ván nhựa, ống nhựa, bao bì in tráng ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải, sản xuất nhựa tổng hợp, thuộc da tại trụ sở). Chế tạo máy móc, thiết bị ngành nhựa (không gia công cơ khí tại trụ sở). Xây dựng dân dụng, công nghiệp. San lấp mặt bằng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở). Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất ngành nhựa (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Môi giới bất động sản; Kinh doanh nhà. Mua bán hàng gia dụng; Mua bán phế liệu nhựa (không mua bán tại trụ sở); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).

Trụ sở chính của Công ty tại 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban Kiểm toán trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

Ông Hồ Đức Lam	Chủ tịch
Ông Hồ Đức Dũng	Thành viên
Ông Bùi Đắc Thiện	Thành viên
Ông Hồ Văn Tuyên	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Trần Vinh	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hà Thanh Thiên	Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Ủy ban Kiểm toán

Ông Hồ Văn Tuyên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trần Vinh	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hà Thanh Thiên
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 03 năm 2024

4-C.T.
Y
UHAN
VẤN
TOÁN
IÁN
P
CHÍNH



Số: 50-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc Thuyết minh số VIII.5 phần thuyết minh báo cáo tài chính rằng Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần 117.627.698.534 đồng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cũng tại ngày này, Công ty có khoản lỗ lũy kế (Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối) là âm (-) 87.299.698.308 đồng và số nợ ngắn hạn đã vượt tài sản ngắn hạn là 283.838.965.346 đồng. Yếu tố này cho thấy hiện hữu một sự không chắc chắn mang tính trọng yếu dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Giả định về hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng Công ty có thể thanh toán hoặc tái cấu trúc các khoản nợ đến hạn, cũng như thực hiện các giải pháp khác tạo ra dòng tiền để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số VIII.5.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1559-2023-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Kiểm toán viên

Lê Bảo Ngọc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 3906-2022-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		504.616.456.180	600.362.538.660
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	18.062.293.194	20.847.851.477
1. Tiền	111		18.062.293.194	20.847.851.477
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		28.400.000.000	25.600.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	28.400.000.000	25.600.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		90.680.382.162	217.819.046.688
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	36.673.871.754	149.889.943.430
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	35.096.948.763	40.984.421.141
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	33.313.814.055	28.196.975.887
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(14.404.252.410)	(1.252.293.770)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	361.668.105.518	324.297.684.866
1. Hàng tồn kho	141		375.912.855.326	324.297.684.866
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(14.244.749.808)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.805.675.306	11.797.955.629
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	4.583.740.954	9.165.925.549
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		864.689.800	2.632.030.080
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	357.244.552	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		734.762.756.319	724.107.679.577
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.082.192.407	4.743.890.407
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	2.082.192.407	4.743.890.407
II. Tài sản cố định	220		44.670.574.363	51.702.138.771
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	774.734.854	2.020.379.239
- Nguyên giá	222		35.199.550.330	45.175.084.344
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.424.815.476)	(43.154.705.105)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	35.672.497.174	41.255.788.641
- Nguyên giá	225		40.400.828.338	63.545.528.816
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.728.331.164)	(22.289.740.175)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	8.223.342.335	8.425.970.891
- Nguyên giá	228		10.406.012.929	10.406.012.929
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.182.670.594)	(1.980.042.038)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.453.934.151	2.453.934.151
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	2.453.934.151	2.453.934.151
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	685.556.055.398	665.207.716.248
1. Đầu tư vào công ty con	251		723.805.048.911	538.805.048.911
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		6.273.000.000	128.273.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12.000.397.920	397.920
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(56.522.391.433)	(1.870.730.583)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.239.379.212.499	1.324.470.218.237

030
C
TRÁCH
DỊCH
CÁI CH
VÀ K
N
VI - 7

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		805.453.248.155	772.916.555.359
I. Nợ ngắn hạn	310		788.455.421.526	610.693.103.968
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	290.334.082.704	39.053.432.053
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.468.030.022	1.687.741.230
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	7.256.270.380	6.896.981.051
4. Phải trả người lao động	314		326.834.000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.145.551.351	1.673.459.080
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	100.258.528.925	62.608.888.334
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	387.430.769.666	498.537.247.742
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		235.354.478	235.354.478
II. Nợ dài hạn	330		16.997.826.629	162.223.451.391
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13	-	156.937.500.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	1.000.000.000	1.000.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	15.997.826.629	4.285.951.391
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		433.925.964.344	551.553.662.878
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	433.925.964.344	551.553.662.878
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		490.698.030.000	490.698.030.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		490.698.030.000	490.698.030.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		25.616.970.000	25.616.970.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.912.212.955	1.912.212.955
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.998.449.697	2.998.449.697
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(87.299.698.308)	30.328.000.226
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		30.328.000.226	24.318.801.116
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(117.627.698.534)	6.009.199.110
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.239.379.212.499	1.324.470.218.237

Người lập biểu



Hồ Thị Vân

Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Hà

Tổng Giám đốc



Hà Thanh Thiên

Ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.712.205.127.430	2.038.552.024.869
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	6.599.000.000	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.705.606.127.430	2.038.552.024.869
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.649.161.076.075	1.982.907.660.120
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		56.445.051.355	55.644.364.749
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	63.363.705.334	13.338.587.021
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	107.576.455.080	34.106.071.565
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		49.157.625.677	30.518.414.252
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	4.069.125.566	5.284.214.757
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	42.967.667.768	19.147.507.811
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(34.804.491.725)	10.445.157.637
11. Thu nhập khác	31	VI.9	459.898.654	387.437.473
12. Chi phí khác	32	VI.10	83.283.105.463	1.147.104.723
13. Lợi nhuận khác	40		(82.823.206.809)	(759.667.250)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(117.627.698.534)	9.685.490.387
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	-	3.676.291.277
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.11	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(117.627.698.534)	6.009.199.110

Người lập biểu

Hồ Thị Vân

Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Hà

Tổng Giám đốc



Hà Thanh Thiên

Ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(117.627.698.534)	9.685.490.387
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	7.455.299.513	6.849.504.539
- Các khoản dự phòng	03	82.048.369.298	(316.769.070)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(63.185.653.990)	(11.516.343.186)
- Chi phí lãi vay	06	49.157.625.677	30.518.414.252
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(42.152.058.036)	35.220.296.922
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	119.497.612.102	(34.304.342.508)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(51.615.170.460)	(81.768.518.929)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	135.738.458.864	(9.385.747.628)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4.582.184.595	(8.453.962.162)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(49.685.533.406)	(29.774.664.645)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.279.255.501)	(5.996.584.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	113.086.238.158	(134.463.522.950)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(7.379.767.369)	(1.336.757.575)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	28.995.436.369	12.453.927.228
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	(10.000.000.000)	(25.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	7.200.000.000	3.480.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(135.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	165.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia	27	6.627.137.397	8.958.915.016
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.442.806.397	(2.043.915.331)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	14.270.570.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	969.257.564.233	1.238.390.236.864
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.077.809.924.460)	(1.092.177.381.960)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(12.762.242.611)	(12.277.787.682)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(121.314.602.838)	148.205.637.222
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.785.558.283)	11.698.198.941
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	20.847.851.477	9.149.652.536
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	18.062.293.194	20.847.851.477

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Hồ Thị Vân

Nguyễn Việt Hà

Hà Thanh Thiên

Ngày 29 tháng 03 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding (trước đây là: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông đã được đổi lại tên thành Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 03/06/2019), là công ty cổ phần được hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300384357 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 03 năm 2005 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi bổ sung kèm theo.

Trụ sở chính của Công ty tại 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 18 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 11 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán hàng nhựa gia dụng, kỹ thuật: màng nhựa, giả da, tôn, ván nhựa, ống nhựa, bao bì in tráng ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải, sản xuất nhựa tổng hợp, thuộc da tại trụ sở). Chế tạo máy móc, thiết bị ngành nhựa (không gia công cơ khí tại trụ sở). Xây dựng dân dụng, công nghiệp. San lấp mặt bằng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở). Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất ngành nhựa (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Môi giới bất động sản; Kinh doanh nhà. Mua bán hàng gia dụng; Mua bán phế liệu nhựa (không mua bán tại trụ sở); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 3 công ty con. Thông tin khái quát về các công ty con như sau

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Nhựa Rạng Đông Long An	KCN Tân Đô, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	95,0%	95,0%
Công ty CP Rạng Đông Films	63 Võ Văn Bích, Xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, TP.HCM	Sản xuất sản phẩm từ Plastic	97,7%	97,7%
Công ty CP Trading Rạng Đông	190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM	Bán buôn chuyên doanh khác	84,3%	84,3%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 1 công ty liên kết. Thông tin khái quát về các công ty liên kết như sau

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Tiếp vận Song Dũng	190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM	Vận tải, dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	45%	45%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- 3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**
- a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.
- Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.
- b) Đầu tư vào Công ty con**
- Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.
- Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.
- c) Đầu tư vào các công ty liên kết**
- Công ty liên kết là doanh nghiệp trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở doanh nghiệp đó.
- Đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.
- d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty được nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Hội đồng Quản trị đã dự đoán từ khi đầu tư.
- 4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**
- Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.
- Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.
- 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**
- Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà xưởng và vật kiến trúc	15 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	45 - 49 năm
- Phần mềm quản lý	05 - 10 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
 - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- 14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**
- Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.
- Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.
- 15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**
- Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.
- 16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**
- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).
- 17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.
- 18. Báo cáo bộ phận**
- Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.
- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

20. Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định.
- Chi phí phải trả.
- Các khoản dự phòng.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	6.830.531.835	6.836.464.047
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.231.761.359	14.011.387.430
Cộng	18.062.293.194	20.847.851.477

2. Đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	28.400.000.000	28.400.000.000	25.600.000.000	25.600.000.000
Cộng	28.400.000.000	28.400.000.000	25.600.000.000	25.600.000.000

(i) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại với thời hạn đáo hạn ban đầu từ trên 3 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5%/năm đến 6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 lãi suất từ 3,2%/năm đến 3,5%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tiền gửi này đang được dùng để thế chấp bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh V.18).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2023				01/01/2023			
	Tỷ lệ %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con		723.805.048.911	(54.967.584.921)			538.805.048.911		
Công ty CP Nhựa Rạng Đông Long An (i)	95,0	448.385.048.911	(48.703.232.295)	(iv)	60,7	328.385.048.911	-	(iv)
Công ty CP Rạng Đông Films (ii)	97,7	224.820.000.000	-	(iv)	78,2	179.820.000.000	-	(iv)
Công ty CP Trading Rạng Đông (iii)	84,3	50.600.000.000	(6.264.352.626)	(iv)	51,0	30.600.000.000	-	(iv)
Đầu tư vào công ty liên kết		6.273.000.000	(923.713.648)			128.273.000.000	(1.870.730.583)	
Công ty CP Tiếp vận Song Dững	45	6.273.000.000	(923.713.648)	(iv)	45	6.273.000.000	(967.046.556)	(iv)
Công ty CP Rạng Đông Healthcare		-	-		40,7	122.000.000.000	(903.684.027)	(iv)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		12.000.397.920	(631.092.864)			397.920		
Công ty CP Rạng Đông Healthcare	4,0	12.000.000.000	(631.092.864)	(iv)		-	-	
Công ty CP Gò Đàng (11 cổ phiếu)		397.920	-	(iv)		-	-	
Cộng		742.078.446.831	(56.522.391.433)			667.078.446.831	(1.870.730.583)	

- (i) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 28/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua mua lại 9.000.000 cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 35/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc mua lại 3.000.000 cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An. Đến ngày 07 tháng 11 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc mua lại 12.000.000 cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An, nâng tỷ lệ sở hữu từ 60,7% lên 95% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 35/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc mua lại 4.500.000 cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Rạng Đông Films. Đến ngày 08 tháng 11 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc mua lại 4.500.000 cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Rạng Đông Films, nâng tỷ lệ sở hữu từ 78,2% lên 97,7% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 24/QĐ-HĐQT ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua mua lại 2.000.000 cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Trading Rạng Đông. Ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc mua lại 2.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Trading Rạng Đông, nâng tỷ lệ sở hữu từ 51% lên 84,3% vốn điều lệ.
- (iv) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không xác định giá trị hợp lý do các công ty được đầu tư chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nên không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên thứ ba	27.264.640.729	24.541.353.433
Công ty CP Tập đoàn Nhựa Bình Thuận	6.814.620.750	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Thịnh Thịnh Phát	6.121.526.981	6.121.526.981
Phải thu các khách hàng khác (i)	14.328.492.998	18.419.826.452
Bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)	9.409.231.025	125.348.589.997
Cộng	36.673.871.754	149.889.943.430

(i) Không có khoản phải thu của khách hàng nào chiếm 10% trở lên trên tổng số dư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, ngoài các khoản phải thu đã trích lập dự phòng tại Thuyết minh V.6, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào khác quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trả trước cho người bán trong nước (i)	19.591.258.536	22.366.490.526
Trả trước cho người bán nước ngoài	15.505.690.227	18.617.930.616
UPC Chemicals (Malaysia) Sdn. Bhd	607.683.791	4.321.272.319
Trả trước cho người bán khác (i)	14.898.006.436	14.296.658.297
Cộng	35.096.948.763	40.984.421.141

Trong đó:

Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)

- 1.800.000.000

(i) Không có khoản trả trước cho người bán nào chiếm 10% trở lên trên tổng số dư.

5. Phải thu khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	33.313.814.055	28.196.975.887
Tạm ứng	1.740.615.834	2.541.616.506
Cổ tức phải thu	9.456.082.900	8.383.400.000
Cho mượn	19.262.725.918	15.466.081.058
Lãi tiền gửi dự thu	718.016.438	351.586.850
Ký quỹ, ký cược	53.000.000	-
Phải thu khác	2.083.372.965	1.454.291.473
Dài hạn	2.082.192.407	4.743.890.407
Ký quỹ, ký cược	2.082.192.407	4.743.890.407
Cộng	35.396.006.462	32.940.866.294
Trong đó:		
Phải thu bên thứ ba	6.677.197.644	9.091.385.236
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)	28.718.808.818	23.849.481.058
Cộng	35.396.006.462	32.940.866.294

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Thịnh Thịnh Phát	6.121.526.981	(1.836.458.094)	6.121.526.981	-
Wujiang Yige Import & Export co., ltd	966.438.659	(966.438.659)	966.438.659	(966.438.659)
Các đối tượng khác	38.671.185.522	(11.601.355.657)	285.855.111	(285.855.111)
Cộng	45.759.151.162	(14.404.252.410)	7.373.820.751	(1.252.293.770)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	1.239.932	-	-	-
Hàng hoá	375.911.615.394	(14.244.749.808)	324.297.684.866	-
Cộng	375.912.855.326	(14.244.749.808)	324.297.684.866	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, hàng hóa đang dùng để thế chấp bảo đảm cho các khoản vay (Thuyết minh V.18).

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.583.740.954	9.165.925.549
Cộng	4.583.740.954	9.165.925.549

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Mua sắm tài sản cố định	2.453.934.151	2.453.934.151
Cộng	2.453.934.151	2.453.934.151

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	24.323.178.960	15.855.153.202	3.148.186.884	1.848.565.298	45.175.084.344
Thanh lý, tháo dỡ	(3.969.872.885)	(5.267.867.863)	(54.961.500)	(682.831.766)	(9.975.534.014)
Số dư cuối năm	20.353.306.075	10.587.285.339	3.093.225.384	1.165.733.532	35.199.550.330
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	22.971.055.179	15.855.153.202	2.487.433.814	1.841.062.910	43.154.705.105
Khấu hao trong năm	231.087.616	-	80.514.672	7.502.388	319.104.676
Thanh lý, tháo dỡ	(3.043.333.176)	(5.267.867.863)	(54.961.500)	(682.831.766)	(9.048.994.305)
Số dư cuối năm	20.158.809.619	10.587.285.339	2.512.986.986	1.165.733.532	34.424.815.476
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.352.123.781	-	660.753.070	7.502.388	2.020.379.239
Tại ngày cuối năm	194.496.456	-	580.238.398	-	774.734.854

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay là 0 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 0 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 29.617.071.534 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 38.209.901.905 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

Máy móc thiết bị

Nguyên giá	
Số dư đầu năm	63.545.528.816
Thuê tài chính trong năm	29.299.767.369
Thanh lý	(52.444.467.847)
Số dư cuối năm	40.400.828.338
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	22.289.740.175
Khấu hao trong năm	6.933.566.281
Thanh lý	(24.494.975.292)
Số dư cuối năm	4.728.331.164
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	41.255.788.641
Tại ngày cuối năm	35.672.497.174

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất (i)	Hệ thống quản lý, hệ thống iso	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	9.928.799.349	477.213.580	10.406.012.929
Số dư cuối năm	9.928.799.349	477.213.580	10.406.012.929
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.502.828.458	477.213.580	1.980.042.038
Khấu hao trong năm	202.628.556	-	202.628.556
Số dư cuối năm	1.705.457.014	477.213.580	2.182.670.594
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	8.425.970.891	-	8.425.970.891
Tại ngày cuối năm	8.223.342.335	-	8.223.342.335

(i) Quyền sử dụng đất với diện tích 382,9 m2 tại số 159 Lạc Long Quân, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn sử dụng 50 năm kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2014.

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay là 8.223.342.335 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 8.425.970.891 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 477.213.580 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 477.213.580 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Phải trả người bán

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	290.334.082.704	39.053.432.053
<i>Người bán trong nước</i>	<i>108.434.321.107</i>	<i>11.269.936.631</i>
- Phải trả bên liên quan	92.807.717.023	5.501.271.882
- Phải trả người bán trong nước khác (i)	15.626.604.084	5.768.664.749
<i>Người bán nước ngoài (Bên thứ ba)</i>	<i>181.899.761.597</i>	<i>27.783.495.422</i>
- Sojitz Pla-Net Corporation (ii)	156.937.500.000	-
- Chembud Corporation	5.240.242.000	6.850.601.835
- Phải trả người bán khác (i)	19.722.019.597	20.932.893.587
Dài hạn	-	156.937.500.000
Phải trả bên thứ ba (ii)	-	156.937.500.000
Cộng	290.334.082.704	195.990.932.053

Trong đó:

Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh VIII.2) 92.807.717.023 5.501.271.882

(i) Không có khoản phải trả người bán nào chiếm 10% trở lên trên tổng số dư.

(ii) Ngày 08/09/2017 Công ty có ký Hợp đồng mua bán cổ phần (HĐMB) với Sojitz Pla-Net Corporation (Sojitz), theo đó Công ty bán 20% tổng số cổ phần tại Công ty CP Nhựa Rạng Đông Long An (RLP) cho Sojitz với giá 174.375.000.000 đồng. Sau khi ký kết hợp đồng Sojitz đã chuyển 90% giá trị hợp đồng (tương ứng là 156.937.500.000 đồng) cho Công ty, 10% giá trị hợp đồng còn lại được Sojitz chuyển vào tài khoản tạm khóa mở tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam do Sojitz đứng tên và Công ty chưa nhận được khoản tiền này. Theo mục 5.5.3 của Hợp đồng "Trường hợp bất kỳ điều kiện sau hoàn tất nào không được đáp ứng trước ngày hoàn tất năm thứ nhất hoặc ngày sau đó do các bên thỏa thuận bằng văn bản, với điều kiện là ngày sau đó không muộn hơn ngày sau hoàn tất, không làm ảnh hưởng đến bất kỳ quyền nào của bên mua trong hợp đồng này, bên mua có quyền: theo quyền tự quyết của mình, quyết định chấm dứt hợp đồng này bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên bán và công ty".

Ngày 30/03/2020 Sojitz đã gửi công văn cho Công ty và RLP để thông báo đơn phương chấm dứt HĐMB. Do Sojitz không thực hiện việc thanh toán đầy đủ số tiền mua cổ phần như cam kết, ngày 28/05/2020 Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An đã ra Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của RLP – theo đó Sojitz không còn là Cổ đông nước ngoài của RLP và số cổ phần của RLP được hoàn trả lại cho Công ty. Do vậy, Công ty đã ghi nhận tăng tỷ lệ sở hữu của khoản đầu tư vào công ty con – RLP từ 65% lên 85% vốn điều lệ và ghi nhận một khoản phải trả tương ứng.

Đối với việc giải quyết HĐMB, do Công ty và Sojitz xảy ra tranh chấp liên quan tới việc hoàn trả 90% tiền mua cổ phần (tương đương 156.937.500.000 đồng) và các chi phí phát sinh liên quan, ngày 09/7/2020, Sojitz đã đưa vụ tranh chấp ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (SIAC) để giải quyết.

Ngày 06/07/2022, SIAC ban hành Phán quyết trọng tài số 090 năm 2022, theo đó Công ty phải thanh toán số tiền gốc là 156.937.500.000 đồng kèm theo các chi phí lãi chậm trả và chi phí pháp lý phát sinh của vụ kiện là gần 55.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 427, khoản 1 Điều 451 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, để phán quyết trọng tài nước ngoài có hiệu lực tại Việt Nam cần phải thông qua quy trình công nhận và cho thi hành phán quyết tại Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam.

Ngày 19/7/2022, Sojitz có Đơn yêu cầu Tòa án thành phố Hồ Chí Minh công nhận và cho thi hành Phán quyết 090 năm 2022 của SIAC. Ngày 10/01/2023 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 42/2023/KDTM-ST về việc không công nhận Phán quyết 090 năm 2022 của SIAC. Ngày 09/02/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có Thông báo về việc kháng cáo của Sojitz đối với Quyết định số 42/2023/KDTM-ST.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Ngày 24/8/2023 Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 95/2023/KDTM-PT về việc giải quyết việc kháng cáo, kháng nghị đối với Quyết định giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam Phán quyết của Trọng tài nước ngoài. Tòa án nhân dân cấp cao đã quyết định chấp nhận yêu cầu của Sojitz Pla-net Corporation, công nhận và cho thi hành tại Việt Nam Phán quyết trọng tài số 090 năm 2022 ban hành ngày 06/7/2022 của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (SIAC).

Theo đó, Công ty phải trả lại cho Sojitz Pla-net Corporation số tiền gốc 156.937.500.000 đồng cùng các khoản chi phí pháp lý, chi phí hành chính khác và lãi chậm thanh toán với số tiền quy đổi ra Đồng Việt Nam đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 81.903.378.984 đồng – Các khoản chi phí này đã được Công ty ghi nhận vào khoản mục chi phí khác trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh VI.10).

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Bá Khang	1.343.199.361	1.343.199.361
Người mua trả tiền trước khác (i)	124.830.661	344.541.869
Cộng	1.468.030.022	1.687.741.230

(i) Không có khoản người mua trả tiền trước nào có số dư chiếm 10% trở lên trên tổng số dư người mua trả tiền trước.

15. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước

	01/01/2023	Số phải nộp/cán trừ trong năm	Số đã thực nộp/cán trừ trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế phải nộp	6.896.981.051	10.361.985.654	10.002.696.325	7.256.270.380
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.016.125.216	-	3.279.255.501	1.736.869.715
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.880.823.835	10.225.809.654	6.587.296.824	5.519.336.665
Các loại thuế khác	32.000	6.176.000	6.144.000	64.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	130.000.000	130.000.000	-
Thuế phải thu	- 16.081.155.870	16.438.400.422	16.438.400.422	357.244.552
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	15.529.602.256	15.809.972.590	280.370.334
Thuế nhập khẩu	-	551.553.614	628.427.832	76.874.218

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên thứ ba		
Chi phí lãi vay phải trả	1.145.551.351	1.673.459.080
Cộng	1.145.551.351	1.673.459.080

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17. Phải trả khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	100.258.528.925	62.608.888.334
Phải trả Sojitz Pla-Net Corporation (i)	81.903.378.984	-
Cổ tức phải trả	125.025.324	125.025.324
Phải trả các ngân hàng khoản upas	4.532.962.500	56.636.878.946
Phải trả khác	13.697.162.117	5.846.984.064
Dài hạn	1.000.000.000	1.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	101.258.528.925	63.608.888.334

Trong đó:

Phải trả khác là bên liên quan (Thuyết minh VIII.2) 13.000.000.000 5.034.918.884

(i) Là các khoản chi phí pháp lý, chi phí hành chính khác và lãi chậm thanh toán với số tiền quy đổi ra Đồng Việt Nam đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 81.903.378.984 đồng mà Công ty phải trả cho Sojitz Pla-Net Corporation (Thuyết minh V.13).



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2023 VND	Tăng VND	Giảm VND	31/12/2023 VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn				
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 18.1)	498.537.247.742	979.465.688.995	1.090.572.167.071	387.430.769.666
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh 18.2)	487.785.184.417	969.257.564.233	1.077.809.924.460	379.232.824.190
Nợ thuê tài chính dài hạn				
Nợ thuê tài chính (Thuyết minh 18.2)	10.752.063.325	10.208.124.762	12.762.242.611	8.197.945.476
	4.285.951.391	21.920.000.000	10.208.124.762	15.997.826.629
	4.285.951.391	21.920.000.000	10.208.124.762	15.997.826.629
Cộng	502.823.199.133	1.001.385.688.995	1.100.780.291.833	403.428.596.295

18.1. Chi tiết số dư các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số dư tại 31/12/2023 VND	Lãi suất (%/năm)	Tài sản bảo đảm
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank	183.982.056.636	7,5%-9%	Tài sản hình thành từ vốn vay, các hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	149.906.095.216	8%-9%	Tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/94739/HĐTC ngày 23/03/2015. Hợp đồng thế chấp cổ phiếu. Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ/các khoản phải thu.
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	23.936.023.608	7%-8%	Thế chấp cổ phiếu, tài sản khác của bên thứ ba.
Ngân hàng TMCP Quân Đội	21.408.648.730	8,0%	Tài sản hình thành từ vốn vay
Cộng	379.232.824.190		

18.2. Chi tiết số dư nợ thuê tài chính như sau:

	Số dư tại 31/12/2023 VND	Phân loại thành nợ đến hạn trả VND	Lãi suất (%/năm)
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	20.354.285.714	6.262.857.144	10,5% - 12%
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	3.841.486.391	1.935.088.332	8,1% - 9,9%
Cộng	24.195.772.105	8.197.945.476	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chi tiết phải trả nợ thuê tài chính như sau:

Thời hạn	31/12/2023			01/01/2023		
	Tổng tiền thanh toán VND	Trả tiền lãi thuê VND	Trả nợ gốc VND	Tổng tiền thanh toán VND	Trả tiền lãi thuê VND	Trả nợ gốc VND
Từ 1 năm trở xuống	9.980.764.916	1.782.819.440	8.197.945.476	11.682.743.797	930.680.472	10.752.063.325
Trên 1 năm đến 5 năm	17.497.037.452	1.499.210.823	15.997.826.629	4.686.686.575	400.735.184	4.285.951.391
Trên 5 năm	-	-	-	-	-	-
Cộng	27.477.802.368	3.282.030.263	24.195.772.105	16.369.430.372	1.331.415.656	15.038.014.716

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	476.405.860.000	25.638.570.000	1.912.212.955	2.998.449.697	24.318.801.116	531.273.893.768
Phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên (i)	14.292.170.000	(21.600.000)			-	14.270.570.000
Lãi trong năm trước					6.009.199.110	6.009.199.110
Số dư cuối năm trước	490.698.030.000	25.616.970.000	1.912.212.955	2.998.449.697	30.328.000.226	551.553.662.878
Lỗ trong năm nay					(117.627.698.534)	(117.627.698.534)
Số dư cuối năm nay	490.698.030.000	25.616.970.000	1.912.212.955	2.998.449.697	(87.299.698.308)	433.925.964.344

(i) Ngày 18 tháng 02 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 1.429.217 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo chương trình ESOP để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng thường niên năm 2021 số 126/NQ-ĐHĐCĐ/2021 ngày 30 tháng 06 năm 2021. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 476.405.860.000 đồng lên 490.698.030.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	490.698.030.000	476.405.860.000
Vốn góp tăng trong năm	-	14.292.170.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	490.698.030.000	490.698.030.000

c) Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49.069.803	49.069.803
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	49.069.803	49.069.803
- Cổ phiếu phổ thông	49.069.803	49.069.803
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.069.803	49.069.803
- Cổ phiếu phổ thông	49.069.803	49.069.803

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười ngàn đồng).

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngoại tệ các loại		
Trong đó: - USD	36.263,74	8.676,36

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.687.068.855.250	2.017.459.668.060
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.136.272.180	21.092.356.809
Cộng	1.712.205.127.430	2.038.552.024.869

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hàng bán bị trả lại	6.599.000.000	-
Cộng	6.599.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa	1.680.469.855.250	2.017.459.668.060
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	25.136.272.180	21.092.356.809
Cộng	1.705.606.127.430	2.038.552.024.869
<u>Trong đó:</u>		
Doanh thu thuần với các bên liên quan (Thuyết minh VIII.2)	1.647.992.367.341	1.990.795.079.296

4. Giá vốn hàng bán	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	1.629.437.265.112	1.978.019.037.529
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.479.061.155	4.888.622.591
Chi phí dự phòng hàng tồn kho	14.244.749.808	-
Cộng	1.649.161.076.075	1.982.907.660.120

5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi bán các khoản đầu tư tài chính	55.000.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.842.500.000	10.583.400.000
Lãi tiền gửi	1.223.749.885	735.501.866
Lãi chênh lệch tỷ giá	297.455.449	2.019.685.155
Cộng	63.363.705.334	13.338.587.021

6. Chi phí tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	49.157.625.677	30.518.414.252
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.767.168.553	3.904.426.383
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	54.651.660.850	(316.769.070)
Cộng	107.576.455.080	34.106.071.565

7. Chi phí bán hàng	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.514.672	88.161.482
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.988.610.894	5.189.976.476
Chi phí bán hàng khác	-	6.076.799
Cộng	4.069.125.566	5.284.214.757

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí cho nhân viên	4.389.102.215	1.610.075.173
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.661.209.262	1.872.720.466
Chi phí thuế, phí, lệ phí	13.870.498.484	7.984.189.065
Chi phí dự phòng	13.151.958.640	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.808.014.032	4.599.729.705
Chi phí bằng tiền khác	4.086.885.135	3.080.793.402
Cộng	42.967.667.768	19.147.507.811

9. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	119.404.105	197.441.320
Thu từ các khoản vi phạm hợp đồng	340.494.549	-
Thu nhập khác	-	189.996.153
Cộng	459.898.654	387.437.473

10. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí pháp lý, lãi chậm thanh toán... phải trả cho Sojitz Pla-Net Corporation theo quyết định của Tòa án (Thuyết minh V.13)	81.903.378.984	-
Các khoản nộp phạt	852.768.609	1.147.104.723
Chi phí khác	526.957.870	-
Cộng	83.283.105.463	1.147.104.723

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế. Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(117.627.698.534)	9.685.490.387
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm	72.606.265.678	6.223.344.740
- Các khoản điều chỉnh tăng	79.448.765.678	16.806.744.740
- Các khoản điều chỉnh giảm	6.842.500.000	10.583.400.000
Thu nhập tính thuế	(45.021.432.856)	15.908.835.127
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.181.767.025
Thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	-	494.524.252
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	3.676.291.277

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	4.389.102.215	1.610.075.173
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.455.299.513	6.849.504.539
Chi phí dự phòng	27.396.708.448	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.562.110.502	9.789.706.181
Chi phí khác bằng tiền	17.957.383.619	11.071.059.266
Cộng	66.760.604.297	29.320.345.159

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua tài sản bằng nợ thuê tài chính	29.299.767.369	2.536.630.303

2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vay theo kế ước thông thường	969.257.564.233	1.238.390.236.864

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trả tiền nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(1.090.572.167.071)	(1.104.455.169.642)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu			1.647.992.367.341	1.990.795.079.296
Công ty CP Nhựa Rạng Đông Long An	Công ty con	Bán hàng Cung cấp dịch vụ	145.696.045.401 3.892.483.429	295.091.672.672 1.967.951.208

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
<u>Doanh thu (tiếp theo)</u>				
Công ty CP Trading Rạng Đông	Công ty con	Bán hàng	409.217.070.000	553.584.527.020
		Cho thuê mặt bằng	679.363.632	551.181.816
		Cung cấp dịch vụ	1.017.891.318	949.769.659
Công ty CP Rạng Đông Films	Công ty con	Bán hàng	1.063.619.907.000	1.129.540.901.625
		Cung cấp dịch vụ	1.232.955.217	1.328.448.069
		Cho thuê tài sản	4.841.376.840	4.841.376.840
Công ty CP Rạng Đông Healthcare	Bên liên quan	Bán hàng	14.675.602.850	-
		Cung cấp dịch vụ	3.119.671.654	2.939.250.387
<u>Các hoạt động khác</u>				
Công ty CP Nhựa Rạng Đông Long An	Công ty con	Mua hàng	571.594.288.410	701.713.480.043
		Bán tài sản	-	10.870.799.164
		Cổ tức được chia	5.312.500.000	6.375.000.000
Công ty CP Trading Rạng Đông	Công ty con	Mua hàng	9.824.255.500	3.321.050.396
		Chi phí dịch vụ	2.542.831.169	-
		Mượn tiền	-	8.050.000.000
		Trả tiền mượn	-	8.320.000.000
		Cổ tức được chia	1.530.000.000	612.000.000
Công ty CP Rạng Đông Films	Công ty con	Mua hàng	88.245.379.341	11.493.372.000
		Cổ tức được chia	-	3.596.400.000
Công ty CP Tiếp vận Song Dững	Công ty liên kết	Chi phí dịch vụ	1.155.154.800	1.502.674.500
Công ty CP Rạng Đông Healthcare	Bên liên quan	Mua hàng hóa	2.519.575.050	-
		Trả tiền mượn	-	836.143.942
		Cho mượn	-	7.513.856.058
Ông Hồ Đức Lam	Chủ tịch	Mượn tiền	3.000.000.000	50.591.902.007
		Trả tiền mượn	8.000.000.000	48.691.902.007
		Nhận chuyển nhượng cổ phần	185.000.000.000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản chưa được thanh toán với bên liên quan như sau:

		31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty CP Rạng Đông Healthcare	Bán hàng	9.409.231.025	125.348.589.997
Công ty CP Trading Rạng Đông	Bán hàng	4.522.454.974	5.578.342.464
Công ty CP Tiếp vận Song Dững	Bán hàng	4.886.776.051	-
Công ty CP Nhựa Rạng Đông Long An	Bán hàng	-	275.000.000
Công ty CP Rạng Đông Films	Bán hàng	-	38.227.266.585
		-	81.267.980.948
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty CP Rạng Đông Healthcare	Mua hàng	-	1.800.000.000
		-	1.800.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

		31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác		28.718.808.818	23.849.481.058
Công ty CP Nhựa Rạng Đông Long An	Cổ tức	9.456.082.900	4.175.000.000
Công ty CP Rạng Đông Healthcare	Cho mượn	8.122.856.054	7.513.856.058
Ông Cao Quang Thắng	Cho mượn	11.139.869.864	-
Công ty CP Rạng Đông Films	Cổ tức	-	3.596.400.000
	Cho mượn	-	4.670.000.000
Công ty CP Trading Rạng Đông	Cổ tức	-	612.000.000
	Cho mượn	-	3.282.225.000
Phải trả người bán ngắn hạn		92.807.717.023	5.501.271.882
Công ty CP Rạng Đông Films	Mua hàng	69.758.324.883	-
Công ty CP Nhựa Rạng Đông Long An	Mua hàng	21.213.044.830	4.947.112.322
Công ty CP Tiếp vận Song Dũng	Mua hàng	1.836.347.310	554.159.560
Phải trả ngắn hạn khác		13.000.000.000	5.034.918.884
Công ty CP Trading Rạng Đông	Mượn tiền	13.000.000.000	-
Ông Hồ Đức Lam	Mượn tiền	-	5.000.000.000
Công ty CP Nhựa Rạng Đông Long An	Mượn tiền	-	34.918.884

Thù lao, lương thưởng và phúc lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong năm như sau:

		Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị		505.920.000	240.000.000
Ông Hồ Đức Lam	Chủ tịch	345.920.000	80.000.000
Ông Hồ Đức Dũng	Thành viên	40.000.000	40.000.000
Ông Hồ Văn Tuyên	Thành viên	40.000.000	40.000.000
Ông Nguyễn Trần Vinh	Thành viên	40.000.000	40.000.000
Ông Bùi Đắc Thiện	Thành viên (Từ ngày 07/05/2022)	40.000.000	30.000.000
Bà Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên (Đến ngày 07/05/2022)	-	10.000.000
Thù lao của thành viên Ủy ban Kiểm toán		-	-
Ông Hồ Văn Tuyên	Chủ tịch	-	-
Ông Nguyễn Trần Vinh	Thành viên	-	-
Tổng Giám đốc		615.885.900	466.654.900
Hà Thanh Thiên	Tổng Giám đốc (Từ ngày 01/06/2022)	615.885.900	366.654.900
Ông Hồ Đức Dũng	Tổng Giám đốc (Đến ngày 01/06/2022)	-	100.000.000
Những người quản lý khác			
Lương, thưởng và phúc lợi khác		126.698.400	522.240.000

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng từ chất dẻo, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ đăng ký kinh doanh hoạt động tại Việt Nam và không có khoản đầu tư nào ra nước ngoài, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần 117.627.698.534 đồng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cũng tại ngày này, Công ty có khoản lỗ lũy kế (Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối) là âm (-) 87.299.698.308 đồng và số nợ ngắn hạn đã vượt tài sản ngắn hạn là 283.838.965.346 đồng. Các yếu tố này đã dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào sự hỗ trợ tài chính từ các bên liên quan và việc được gia hạn thanh toán các khoản nợ với các đối tác, cũng như việc Công ty có thể đạt được một mức hoạt động và doanh thu phù hợp để bù đắp các chi phí.

Ban Tổng Giám đốc đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính, thu hồi nợ từ các đối tác, đẩy mạnh hoạt động bán hàng, đàm phán với các ngân hàng thương mại để có thêm hạn mức tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đàm phán với các đối tác để cơ cấu lại lịch thanh toán các khoản nợ.

Ngoài ra, Công ty nhận được sự cam kết hỗ trợ tài chính của cổ đông lớn của Công ty, cam kết tiếp tục đồng hành và hỗ trợ để góp phần giúp Công ty thanh toán các khoản nợ đến hạn khi cần thiết trong hoạt động sản xuất kinh doanh để duy trì hoạt động liên tục ít nhất trong 12 tháng tiếp theo kể từ ngày của báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Từ các yếu tố trên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty sẽ có đủ nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và có khả năng đáp ứng các nghĩa vụ đến hạn của Công ty trong 12 tháng tới kể từ ngày của báo cáo tài chính này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được lập trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục là phù hợp.

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Hồ Thị Vân

Nguyễn Việt Hà

Hà Thanh Thiên

Ngày 29 tháng 03 năm 2024